

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN CÁC KHOẢN ƯỚC TÍNH
KẾ TOÁN TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TẠI CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN AAC**

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Thị Hằng

Lớp: K48A Kiểm Toán

Niên khóa: 2014 - 2018

Giảng viên hướng dẫn:

ThS. Phạm Thị Bích Ngọc

Huế, Tháng 4 năm 2018

Lời Cảm Ơn

Đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô trường Đại học Kinh Tế Huế và đặc biệt là các thầy cô giáo bộ môn của khoa Kế toán- Kiểm toán. Cảm ơn các thầy cô vì sự nhiệt huyết, tận tâm của mình trong quá trình giảng dạy.

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng các anh chị trong công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC nói chung và các anh chị trong Phòng Kiểm toán BCTC 2 nói riêng đã tạo điều kiện cho em có cơ hội tìm hiểu thực tế và thu thập các thông tin để hoàn thành bài khóa luận này.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn tới Cô giáo – Th.S Phạm Thị Bích Ngọc, cô là người mà đã truyền cho em những kiến thức bổ ích cũng như những lời khuyên trong quá trình làm khóa luận.

Cuối cùng, trong quá trình thực tập và làm khóa luận do kiến thức và thời gian hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi các sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý từ các thầy cô để bài khóa luận của mình trở nên hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Huế, ngày 25 tháng 4 năm 2018

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Hằng



DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
BCTC	Báo cáo tài chính
CĐKT	Cân đối kế toán
CN	Chi nhánh
DH, NH	Dài hạn, Ngắn hạn
GLV	Giấy làm việc
HTK	Hàng tồn kho
KiT	Kiểm toán
KTV	Kiểm toán viên
KSNB	Kiểm soát nội bộ
NPT	Nợ phải thu
VSA	Chuẩn mực kiểm toán
NXB TP HCM	Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh
TSCĐ	Tài sản cố định
TK	Tài khoản
TB, VP	Thiết bị, văn phòng
SX, KD	Sản xuất, kinh doanh

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2.1 – Sơ đồ bộ máy tổ chức công ty.....	38
Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức phòng kiểm toán BCTC	39
Sơ đồ 2.3: Quy trình kiểm toán tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC.....	41
Bảng 2.3.1: Phân tích Bảng CĐKT	50
Bảng 2.3.2 Phân tích bảng KQKD	51
Bảng 2.3.3 Xác định mức trọng yếu.....	53
Bảng 2.3.4 Kiểm tra việc trích lập dự phòng	59
Bảng 2.3.5: Mức khấu hao theo quy định	63

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I.1 Lý do chọn đề tài.....	1
I.2 Mục tiêu nghiên cứu.....	2
I.3 Đối tượng nghiên cứu.....	2
I.4 Phương pháp nghiên cứu.....	2
I.4.1 Nguồn số liệu sử dụng:	2
I.4.2 Phương pháp nghiên cứu:.....	3
I.5 Phạm vi nghiên cứu.....	3
I.6 Kết cấu khóa luận.....	4
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÁC KHOẢN ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN	5
1.1 Tổng quan về kiểm toán BCTC	5
1.2 Các khoản ước tính kế toán.....	5
1.2.1. Khái niệm về các khoản ước tính kế toán	5
1.2.2. Bản chất của các khoản ước tính kế toán	6
1.2.3. Phân loại các khoản ước tính kế toán.	7
1.2.3.1 Ước tính chỉ tiêu đã phát sinh.....	7
1.2.3.2 Ước tính chỉ tiêu chưa phát sinh.....	13
1.2.4. Phương pháp kiểm toán các khoản ước tính kế toán.....	13
1.3 Những rủi ro, sai sót thường gặp khi kiểm toán các khoản ước tính kế toán.	15
1.4 Sự cần thiết của các khoản ước tính kế toán	16
1.5 Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính.....	17
1.5.1 Giai đoạn lập kế hoạch	17
1.5.2 Thực hiện kiểm toán.....	22
1.5.2.2 Thử nghiệm cơ bản.....	23
1.5.3 Kết thúc kiểm toán	25
1.5.3.1 Xem xét, trao đổi và tổng hợp kết quả kiểm toán	25
1.5.3.2 Lập và phát hành báo cáo kiểm toán	26
1.6 Thủ tục kiểm toán cho một số khoản mục ước tính kế toán.....	26

1.6.1 Kiểm toán khoản mục dự phòng nợ phải thu khó đòi	26
1.6.1.1 Mục tiêu kiểm toán.....	26
1.6.1.2 Thử nghiệm kiểm soát	27
1.6.1.3 Thử nghiệm cơ bản.....	27
1.6.2 Kiểm toán khoản mục dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	28
1.6.2.1 Mục tiêu kiểm toán.....	28
1.6.2.2 Thử nghiệm kiểm soát.....	29
1.6.2.3 Thử nghiệm cơ bản.....	29
1.6.3 Kiểm toán khoản mục khấu hao tài sản cố định	30
1.6.3.1 Mục tiêu kiểm toán.....	30
1.6.3.2 Thử nghiệm kiểm soát	30
1.6.3.3 Thử nghiệm cơ bản.....	31
1.6.4 Kiểm toán khoản mục chi phí trả trước	32
1.6.4.1 Mục tiêu kiểm toán.....	32
1.6.4.3 Thủ tục kiểm tra chung.....	32
1.6.4.4 Thử nghiệm cơ bản.....	32
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VIỆC SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN	
CÁC KHOẢN ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ	
KẾ TOÁN AAC	34
2.1 Tổng quan về công ty kiểm toán và kế toán AAC	34
2.1.1 Giới thiệu khái quát về công ty	34
2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển	35
2.1.3 Phương châm hoạt động	35
2.1.4 Các dịch vụ cung cấp.....	36
2.1.5 Cơ cấu tổ chức	37
2.2 Khái quát quy trình kiểm toán Báo cáo tài chính do công ty kiểm toán và kế toán AAC thực hiện.....	40
2.2.1 Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán	41
2.2.2 Giai đoạn thực hiện kiểm toán.....	42

2.2.3 Giai đoạn kết thúc kiểm toán.....	44
2.3 Thực trạng kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty cổ phần ABC do công ty Kế toán và Kiểm toán AAC thực hiện	45
2.3.1 Giai đoạn lập kế hoạch	45
2.3.2 Giai đoạn thực hiện kiểm toán.....	54
2.3.2.1 Kiểm toán khoản mục dự phòng nợ phải thu khó đòi	54
2.3.2.2 Kiểm toán khoản mục khấu hao TSCĐ	61
2.3.2.3 Kiểm toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	64
2.3.2.4 Kiểm toán khoản mục chi phí trả trước.....	67
2.2.3 Tổng hợp kiểm toán.....	74
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN CÁC KHOẢN ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY AAC.....	77
3.1 Đánh giá về phương pháp kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty Kế toán và Kiểm toán AAC	77
3.1.1 Đánh giá về công tác kiểm toán BCTC tại công ty Kế toán và Kiểm toán AAC	77
3.1.2 Đánh giá về việc sử dụng phương pháp kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty Kế toán và Kiểm toán AAC.....	79
3.1.2.1 Ưu điểm	79
3.1.2.2 Hạn chế	79
3.2 Một số giải pháp góp phần hoàn thiện phương pháp kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC.....	81
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	84
III.1 Kết luận.....	84
III.2 Kiến nghị	85
PHỤ LỤC	

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I.1 Lý do chọn đề tài

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường thì kiểm toán độc lập đã cho thấy sự vươn lên mạnh mẽ trong vòng 15 năm trở lại đây. Việc nền kinh tế phát triển làm cho các công ty, doanh nghiệp “mọc lên” khá nhiều cùng với đó là các thông tư, nghị định được cập nhật liên tục làm cho ngành nghề kế toán trở nên phức tạp hơn và đòi hỏi sự linh động hơn khi các thông tư, nghị định đó được ra đời, điều này cũng ảnh hưởng một phần nào đến các thông tin trên báo cáo tài chính. Trong bối cảnh hiện nay, để thu hút nhà đầu tư cũng như khách hàng thì doanh nghiệp cần phải công khai hóa thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp và để cho mọi người thấy rằng các thông tin trên báo cáo tài chính là đúng sự thật, rõ ràng, minh bạch thì phải có một bên độc lập thứ ba xác nhận. Do vậy, các công ty dịch vụ kiểm toán ra đời, dịch vụ kiểm toán được coi là dịch vụ có tính chuyên nghiệp cao và có ý nghĩa rất lớn trong việc tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh và hiệu quả trong nền kinh tế thị trường. Hoạt động kiểm toán không chỉ tạo niềm tin cho những người quan tâm đến báo cáo tài chính mà còn là giúp các công ty hoàn thiện lại công tác kế toán và nâng cao năng lực quản lý. Đó cũng là một trong những lý do mà công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC ra đời và đó cũng chính là nơi em thực tập để có thể tiếp cận rõ hơn về ngành nghề mà mình đang học.

Ước tính kế toán là vấn đề khá mới mẻ đối với kế toán và kiểm toán trong những năm gần đây, tuy nhiên nó có vai trò khá quan trọng và ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Ước tính kế toán được lập dựa vào những xét đoán trong điều kiện không có sự chắc chắn về kết quả của các sự kiện đã phát sinh hay có thể phát sinh. Do vậy, mức độ rủi ro của báo cáo được kiểm toán khi có các khoản ước tính kế toán là rất cao. Vì là các xét đoán nên mang nặng tính chủ quan, khó có một tiêu chuẩn nào để đánh giá tính hợp lý nên luôn tồn tại một nguy cơ là các ước tính kế toán được xác định và ghi nhận một cách không phù hợp dẫn đến làm sai lệch đáng kể thông tin tài chính của doanh nghiệp. Chính vì vậy, tính tin cậy của các ước tính kế toán là một vấn đề được người sử dụng báo cáo tài chính luôn đặc biệt quan tâm. Do

vậy có thể nói kiểm toán các khoản ước tính kế toán có vai trò hết sức quan trọng nó làm cho báo cáo tài chính trở nên minh bạch hơn và có sức thuyết phục hơn đối với người đọc. Nhận thức được vấn đề đó nên em muốn đi sâu tìm hiểu nghiên cứu về vấn đề này nên đã quyết định chọn đề tài “ Kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC” để làm đề tài tốt nghiệp cuối khóa cho mình.

I.2 Mục tiêu nghiên cứu

Hệ thống khái quát các lý luận chung về các khoản ước tính kế toán trong kiểm toán báo cáo tài chính

Hiểu thực tế quy trình, phương pháp thực hiện kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC

Nhận xét và đề ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện việc kiểm toán các khoản ước tính kế toán tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC

I.3 Đối tượng nghiên cứu

Là các phương pháp, quy trình kiểm toán các ước tính kế toán được sử dụng trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại công ty TNHH ABC do công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC thực hiện.

Do hạn chế về mặt thời gian cũng như số liệu nên người viết chỉ nghiên cứu về một số khoản ước tính như:

- + Kiểm toán dự phòng nợ phải thu khó đòi
- + Kiểm toán chi phí khấu hao TSCĐ
- + Kiểm toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- + Kiểm toán chi phí trả trước

I.4 Phương pháp nghiên cứu

I.4.1 Nguồn số liệu sử dụng:

- Lý thuyết kiểm toán về các ước tính kế toán
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam(VAS) và các thông tư liên quan đến các khoản ước tính kế toán
- Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam VSA 540

- Thu thập số liệu từ hồ sơ kiểm toán khách hàng tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC

- Trực tiếp tham gia với vai trò trợ lý Kiểm toán viên

I.4.2 Phương pháp nghiên cứu:

Khóa luận chỉ tập trung vào hai phương pháp nghiên cứu chính:

- Phương pháp thu thập số liệu:

- Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp các anh chị KTV và trợ lý kiểm toán về các phần hành liên quan đến các khoản ước tính kế toán. Mục đích của phương pháp này là lắng nghe ý kiến, học hỏi kinh nghiệm từ các anh chị đi trước đồng thời trao đổi với các anh chị về vấn đề mà mình còn thắc mắc.

- Phương pháp quan sát: Quan sát công việc thực tế của các anh chị kiểm toán viên và trợ lý kiểm toán trong quá trình thực tế tại công ty Kiểm toán và Kế toán AAC. Mục đích của phương pháp này là nhằm quan sát cách thức làm việc của các anh chị KTV khi làm việc tại công ty khách hàng, cách mà các anh chị làm việc với các kế toán trưởng tại công ty khách hàng cũng như cách mà các thành viên trong nhóm làm việc với nhau.

- Ngoài ra, người viết còn tham khảo các file hồ sơ kiểm toán, chương trình kiểm toán năm trước, nghiên cứu tìm hiểu các khoản ước tính của khách hàng. Tham khảo qua internet, giáo trình, các bài khóa luận của các năm trước và các bài báo có liên quan tới đề tài, đồng thời vận dụng các chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.

- Phương pháp xử lý số liệu:

Sử dụng phần mềm excel để xử lý số liệu. So sánh, đối chiếu số liệu của kỳ này so với kỳ trước. Đồng thời, sử dụng các phép tính số học để phân tích số liệu đã thu thập được.

I.5 Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Đề tài được thực hiện tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC Đà Nẵng trong quá trình kiểm toán tại công ty cổ phần ABC và công ty cổ phần XYZ.

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và khấu hao tài sản cố định được nghiên cứu tại công ty cổ phần ABC và khoản chi phí trả trước thì được nghiên cứu tại công ty cổ phần XYZ.

Về thời gian: Số liệu phân tích sử dụng trong đề tài được thu thập từ BCTC của công ty ABC trong kỳ kế toán từ ngày 1/1/2016 đến 31/12/2016 và của công ty cổ phần XYZ là từ ngày 1/1/2017 đến 31/12/2017.

I.6 Kết cấu khóa luận

Khóa luận gồm ba phần chính:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương I: Cơ sở lý luận về các khoản ước tính kế toán

Chương II: Thực trạng quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán trong kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC.

Chương III: Một số giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán các khoản ước tính kế toán trong kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC.

Phần III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÁC KHOẢN ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

1.1 Tổng quan về kiểm toán BCTC

Kiểm toán BCTC là việc kiểm tra và xác nhận tính trung thực và hợp lý của BCTC cũng như việc kiểm tra xem BCTC có được trình bày phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán được thừa nhận hay không?

Đối tượng của kiểm toán BCTC là các BCTC được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành phản ánh thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu của đơn vị.

Mục tiêu của kiểm toán BCTC giúp KTV và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng BCTC có được lập trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu hay không?

1.2 Các khoản ước tính kế toán

1.2.1. Khái niệm về các khoản ước tính kế toán

Ước tính kế toán: Theo chuẩn mực kiểm toán số 540, ước tính kế toán là một giá trị tiền tệ gần đúng trong trường hợp không có phương pháp đo lường chính xác. Thuật ngữ này được sử dụng cho một giá trị được đo lường theo giá trị hợp lý khi có sự không chắc chắn trong ước tính và cũng được sử dụng cho các giá trị khác cần ước tính. Khi chuẩn mực này chỉ đề cập đến các khoản ước tính kế toán được đo lường theo giá trị hợp lý nhất thuật ngữ “ước tính kế toán về giá trị hợp lý” được sử dụng.

Theo quan điểm kế toán: Ước tính kế toán là một quá trình xét đoán dựa trên những thông tin tin cậy nhất và mới nhất tại thời điểm ước tính. Khái niệm “ước tính kế toán” đề cập tới các khoản mục trên BCTC mà giá trị của chúng được ước tính chứ không thể đo lường một cách chính xác bằng các công thức toán học. Ví dụ về các khoản ước tính kế toán gồm có khấu hao TSCĐ, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho... Để đưa ra các ước tính này, người lập BCTC phải sử dụng các xét đoán nghề nghiệp, vì các xét đoán mang tính chủ quan, khó có một tiêu

chuẩn nào để đánh giá tính hợp lý cả. Chính vì vậy, tính tin cậy của các ước tính kế toán là một vấn đề được người sử dụng BCTC đặc biệt quan tâm.

Giá trị ước tính hoặc các khoản ước tính của kiểm toán viên: Là giá trị hoặc khoảng giá trị mà kiểm toán viên ước tính được dựa trên các bằng chứng kiểm toán để sử dụng trong việc đánh giá giá trị ước tính của Ban Giám Đốc đơn vị được kiểm toán (Đoạn 7b của VSA 540).

Sự không chắc chắn trong các ước tính: Là khả năng dễ xảy ra sự thiếu chính xác vốn có trong giá trị đo lường của các ước tính kế toán và các thuyết minh liên quan (Đoạn 7c của VSA 540).

Các khoản ước tính kế toán có thể thực hiện thường xuyên trong kỳ kế toán hoặc được thực hiện vào cuối kỳ kế toán.

1.2.2. Bản chất của các khoản ước tính kế toán

Theo đoạn A1 và A4 trong chuẩn mực kiểm toán 540

Do tính chất không chắc chắn vốn có của các hoạt động kinh doanh một số khoản mục trong báo cáo tài chính chỉ có thể được ước tính. Hơn nữa, các tính chất đặc thù của một tài sản, một khoản nợ phải trả hoặc một thành phần của vốn chủ sở hữu, hoặc cơ sở hay phương pháp đo lường được quy định trong khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính có thể dẫn đến yêu cầu phải ước tính một khoản mục trong báo cáo tài chính. Khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng có thể quy định cụ thể về các phương pháp đo lường và các thuyết minh cần thiết trong báo cáo tài chính.

Mức độ không chắc chắn trong ước tính thay đổi tùy theo nội dung của ước tính kế toán, phạm vi sử dụng một phương pháp hoặc một mô hình được chấp nhận rộng rãi và tính chủ quan của các giả định được sử dụng để lập ước tính kế toán. Trong một số trường hợp, sự không chắc chắn trong ước tính kế toán có thể lớn đến mức không đáp ứng được các tiêu chí ghi nhận theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng và không thể lập được ước tính kế toán đó.

Tuy nhiên không phải tất cả các khoản mục trong báo cáo tài chính cần phải đo lường theo giá trị hợp lý đều có sự không chắc chắn trong ước tính.

Các ước tính kế toán có thể thực hiện một cách thường xuyên trong kỳ kế toán hoặc thực hiện vào cuối kỳ. Trong nhiều trường hợp các khoản ước tính kế toán có thể được lập dựa trên kinh nghiệm thực tế của kiểm toán viên.

1.2.3. Phân loại các khoản ước tính kế toán.

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 540 thì các khoản ước tính kế toán được chia thành 2 loại sau: ước tính chỉ tiêu đã phát sinh và ước tính chỉ tiêu chưa phát sinh

1.2.3.1 Ước tính chỉ tiêu đã phát sinh

Là giá trị gần đúng của một chỉ tiêu liên quan đến BCTC thực tế đã phát sinh nhưng chưa có số liệu chính xác hoặc phương pháp tính chính xác

Ví dụ về ước tính chỉ tiêu đã phát sinh như: dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trích khấu hao tài sản cố định, chi phí trả trước...

➤ Dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu quá hạn không có khả năng thu hồi do khách hàng không có khả năng thanh toán.

Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách hàng về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, đối chiếu công nợ với chứng từ khác

Cuối niên độ doanh nghiệp thường xác định các khoản nợ quá hạn để tiến hành lập dự phòng. Doanh nghiệp cần dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Đối với các khoản nợ quá hạn mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- + 50% giá trị với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- + 70% giá trị với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- + 100% giá trị đối với khoản nợ từ 3 năm trở lên.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn... thì doanh nghiệp tiến hành dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Là khoản dự phòng khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

Đối tượng lập dự phòng bao gồm: nguyên vật liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (kể cả hàng hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu về kỹ thuật, lỗi thời...) mà giá trị gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, nhưng phải đảm bảo điều kiện sau:

+ Có hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

+ Là những vật tư, hàng hóa thuộc sở hữu của công ty tồn kho tại thời điểm lập BCTC.

+ Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên liệu này không bị giảm giá thì không trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt (Theo chuẩn mực kế toán số 02).

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập tại thời điểm ước tính.

Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo phải thực hiện đánh giá mới về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho cuối năm đó. Trường hợp cuối kỳ kế toán năm nay, nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập thấp hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn phải được hoàn nhập để đảm bảo cho giá trị của hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá gốc (nếu giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được) hoặc theo giá trị thuần có thể thực hiện được (nếu giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

632	159 – Dự phòng	632
Hoàn nhập chênh lệch dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước	Trích lập dự phòng giảm giá HTK cho năm nay (số lập mới hoặc số chênh lệch giá trị dự phòng phải lập năm nay cao hơn số dự phòng đã lập năm trước)	

➤ Trích khấu hao TSCĐ:

Là sự phân bổ có hệ thống đối với giá trị phải khấu hao của tài sản cố định trong suốt thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ. Giá trị khấu hao của TSCĐ là phần còn lại của nguyên giá sau khi trừ đi giá trị thanh lý ước tính.

- Đối với TSCĐ hữu hình:

+ Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng TSCĐ quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo thông tư 203/2009/TT-BTC để xác định thời gian sử dụng của TSCĐ. Ví dụ như: Máy phát động lực có thời gian sử dụng tối thiểu là 8 năm và thời gian sử dụng tối đa là 10 năm...

+ Đối với TSCĐ đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của TSCĐ được xác định sau

$$\text{Thời gian sử dụng TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý TSCĐ}}{\text{Giá bán TSCĐ mới } 100\%} * \text{Thời gian trích khấu hao tài sản mới cùng loại}$$

- Đối với TSCĐ vô hình:

Giá trị khấu hao TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích, ước tính thời gian khấu hao TSCĐ vô hình tối đa là 20 năm. Việc trích khấu hao được bắt đầu tính từ khi TSCĐ vô hình được đưa vào sử dụng.

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ vô hình làm căn cứ tính khấu hao cần phải xem xét các yếu tố sau:

+ Khả năng sử dụng dự tính của tài sản

+ Vòng đời của sản phẩm và các thông tin chung về các ước tính liên quan đến thời gian sử dụng hữu ích của các loại tài sản giống nhau được sử dụng trong điều kiện tương tự.

+ Sự lạc hậu về kỹ thuật, công nghệ.

+ Sự phụ thuộc thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ vô hình với các tài sản khác trong doanh nghiệp.

Các phương pháp tính khấu hao:

- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng
- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần
- Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm

Căn cứ vào khả năng đáp ứng điều kiện áp dụng theo quy định của từng phương pháp trích khấu hao TSCĐ mà doanh nghiệp cần lựa chọn phương pháp khấu hao phù hợp cho từng loại tài sản.

Phương pháp khấu hao được áp dụng cho từng loại TSCĐ phải được sử dụng nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ.

➤ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:

Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra và dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

Đối tượng dự phòng: Là các chứng khoán, các khoản vốn của doanh nghiệp đang đầu tư vào tổ chức kinh tế khác có đủ các điều kiện sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán:

+ Đầu tư chứng khoán là các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu công ty... được công ty đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, được tự do mua bán trên thị trường mà tại thời điểm kiểm kê, lập BCTC có giá thị trường giảm so với giá hạch toán ghi trên sổ kế toán.

+ Những chứng khoán không được phép mua bán trên thị trường thì không được lập dự phòng giảm giá.

- Đối với các khoản đầu tư khác của công ty vào tổ chức kinh tế là các công ty thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần hợp danh, liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà công ty đang đầu tư bị lỗ khi đầu tư).

Phương pháp trích lập dự phòng:

- Đối với các loại chứng khoán đầu tư

Mức trích lập dự phòng được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu} \\ \text{tư chứng} \\ \text{khoán} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoán bị giảm} \\ \text{tại thời điểm lập} \\ \text{BCTC} \end{array} * \begin{array}{c} \text{Giá trị chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Giá trị chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên thị} \\ \text{trường} \end{array}$$

Khi tính phải lập riêng cho từng loại chứng khoán có biến động giảm giá tại thời điểm lập BCTC và được tổng hợp vào bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư, làm căn cứ hạch toán chi phí doanh nghiệp.

- Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

Mức lập tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và được tính theo công thức:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự phòng} \\ \text{tổn thất các khoản} \\ \text{đầu tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực có} \end{array} * \frac{\begin{array}{c} \text{Số vốn đầu tư của} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Tổng số vốn góp} \\ \text{thực tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức kinh tế} \end{array}}$$

Tại thời điểm lập dự phòng nếu các chứng khoán do công ty đầu tư bị giảm giá so với giá hạch toán trên sổ kế toán, các khoản vốn đầu tư vào tổ chức kinh tế bị tổn thất do tổ chức kinh tế bị lỗ thì phải lập dự phòng như trên.

Nếu dự phòng tổn thất đầu tư tài chính phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng thì không phải trích lập thêm.

Nếu dự phòng tổn thất đầu tư tài chính phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng thì trích lập thêm vào chi phí tài chính khoản chênh lệch.

Nếu dự phòng tổn thất đầu tư tài chính phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng thì hoàn nhập phần chênh lệch bằng cách giảm chi phí tài chính phần chênh lệch đó.

➤ Chi phí trả trước:

Là những khoản chi tiêu thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến việc tạo ra lợi ích kinh tế của nhiều kỳ kế toán và đang chờ phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán liên quan.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, các khoản chi phí trả trước bao gồm: thuê TSCĐ, chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa cố định, chi phí mua bảo hiểm và lệ phí mà doanh nghiệp mua một lần cho nhiều kỳ kế toán, chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ cho nhiều kỳ kế toán...

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD của từng kỳ kế toán phải căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

➤ Giá trị sản phẩm dở dang: Là chi phí bỏ ra nhằm mục đích chế tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh tại một thời điểm nhất định, chi phí này chưa chế tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh của nó.

1.2.3.2 Ước tính chỉ tiêu chưa phát sinh

Là giá trị gần đúng của một chỉ tiêu chưa phát sinh nhưng đã ước tính để lập báo cáo tài chính, ví dụ về ước tính các chỉ tiêu chưa phát sinh như: Dự phòng chi phí bảo hành, chi phí trích trước...

➤ Dự phòng chi phí bảo hành:

Là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, công trình, hàng hóa đã bàn giao cho người mua nhưng doanh nghiệp vẫn tiếp tục có nghĩa vụ sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng.

➤ Chi phí trích trước: Là khoản chi tiêu dự kiến phát sinh trong tương lai với quy mô lớn liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trước khi khoản chi tiêu đó thực tế phát sinh.

1.2.4. Phương pháp kiểm toán các khoản ước tính kế toán

- Xem xét và kiểm tra quy trình lập các khoản ước tính kế toán của đơn vị.

Kiểm tra số liệu và xem xét các giả định dùng làm cơ sở lập ước tính kế toán, đối